



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN NGOC PHAN
Last Middle First

Current Address 107/1 Ấp Lạc Quang và Tân Thời Nhặt - Hóc Môn HEM City

Date of Birth 17/10/1940 Place of Birth Bình Dương

Previous Occupation (before 1975) MAJOR
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 01/05/1975 To 13/2/1988

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 12/2/1988

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN NGỌC PHAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Lê Ngọc Hải	9/3/1943	wife
Nguyễn Phi Long	14/10/1966	son
Nguyễn Thị Phi Yên	4/12/1969	daughter
Nguyễn Phi Vũ	21/7/1971	son
Nguyễn Phi Hùng	22/4/1973	son
Nguyễn Phi Sơn	23/4/1974	

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN NGOC PHAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE NGOC THAI	1943	WIFE
NGUYEN PHI LONG	1966	SON
NGUYEN THI PHI YEN	1969	DAUGHTER
NGUYEN PHI VU	1971	SON
NGUYEN PHI HUNG	1973	"
NGUYEN PHI SON	1974	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : MAILING ADDRESS IS 107/1 AP LAC QUAN -XA TAN THOI
NHUT -HUYEN HOC MON -HO CHI MINH CITY

Sài Gòn ngày 15.4.1988

Kính thưa Bà,

Tôi là dân con của anh em Dục y hiêu Nghĩa, mới học tập
Cải Tạo được từ về đến tu với gia đình ngày 13.2.1988.

Anh em bạn tôi viết thư cho bà và gửi kèm theo giấy ra
trai (đính kèm theo đây bản Photocopy)

Tôi hiện giờ ở tạm tại nhà người mẹ vợ tại số 107/ ấp Lạc
Quang, xã Tân Thới Nhứt, huyện Hóc Môn, thành phố
Hồ Chí Minh, còn căn nhà của tôi mang số 108/3 (như đã
ghi ở giấy ra trai) đã bị tịch thu từ 1975, sau khi tôi
rời gia đình đi tu học tập Cải Tạo, vợ và 5 con
của tôi được đưa đi vùng kinh tế mới từ 13 năm nay
tại ấp 3 xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé.

Trân trọng xin Bà sớm giúp đỡ cho tôi có một cái
L.O.T đi đi Huế Kỳ.

Trân trọng cảm ơn Bà.

Đính theo đây vợ và 5 con của tôi.

Vợ: Lê Ngọc Thái sinh năm 1943 xã Tân Thới Giồng

Con thứ 1: Nguyễn Phi Long sinh năm 1966

2: Nguyễn Thị Phi Yến sinh năm 1969

3: Nguyễn Phi Vũ sinh năm 1971

4: Nguyễn Phi Hưng sinh năm 1973

5: Nguyễn Phi Sơn sinh năm 1974.

QUESTIONNAIRE FOR EX. POLITICAL PRISONER IN VIETNAM:

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIETNAM:

1. Full name: NGUYỄN - NGỌC PHAN
2. Other name: NO
3. Date, place of birth: 17.10.1940 TÂN BÌNH, BÌNH DƯƠNG
4. Position, ranks (before 4.1975)
5. Military service number: 604/100.379
6. Month, date, year arrested: 01.5.1975
7. Month, date, year out of camp: 13.2.1988.
8. Month, date, year of release certificate: 13.2.1988
9. Present residing address: 108/3 ấp Lạc Quang xã Tân Thới Nhứt, huyện Hố Nai, thành phố Hồ Chí Minh.
10. Present mailing address: 107/1 ấp Lạc Quang xã Tân Thới Nhứt, huyện Hố Nai, thành phố Hồ Chí Minh

II LIST FULL NAME, DATE AND PLACE OF BIRTH IMMEDIATE

FAMILY AND FATHER, MOTHER:

NAME IN FULL	DOB	P.O.B	Sex	Relationship
1. LÊ NGỌC THÁI	9.3.1943	Gốc Mỹ Tho	M	ly hôn
2. NGUYỄN DIỆP LONG	14.10.1966	SÀI GÒN	M	ly hôn
3. NGUYỄN THỊ DIỆP YẾN	4.12.1969	GIÀ ĐÌNH	F	ly hôn
4. NGUYỄN PHÍ VŨ	21.7.1971	GIÀ ĐÌNH	M	ly hôn
5. NGUYỄN PHÍ HÙNG	22.4.1973	SÀI GÒN	M	ly hôn
6. NGUYỄN PHÍ SƠN	23.4.1974	SÀI GÒN	M	ly hôn

57 ấp 3
xã TÂN BÌNH
huyện BẾN CÁT
tỉnh SÔNG BÈ

B. COMPLETE FAMILY LISTING:

1. FATHER: NGUYỄN VĂN DIỆT dead
2. MOTHER: NGUYỄN THỊ UỐT dead
3. SPOUSE: LÊ NGỌC THÁI living
4. FORMER SPOUSE: NO
5. CHILDREN:

NGUYỄN PHÍ LONG	living
NGUYỄN THỊ DIỆP YẾN	living
NGUYỄN PHÍ VŨ	living
NGUYỄN PHÍ HÙNG	living
NGUYỄN PHÍ SƠN	living
6. Sibling: NO

57 ấp 3
xã TÂN BÌNH
huyện BẾN CÁT
tỉnh SÔNG BÈ

III RELATIVES OUTSIDE VIETNAM:

A. CLOSEST RELATIVES IN THE US:

- of me : NO
- of my spouse: NO

B. CLOSEST RELATIVES IN OTHER FOREIGN COUNTRIES:

- of me : NO
- of my spouse: NO

IX. OVERSEA TRAINING PAID BY US GOVERNMENT: NO

X. US AWARDS AND DECORATIONS: NO

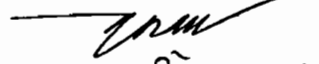
VI. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW? NO YET

VII. COMMENT: NO REMARKS: NO

VIII. DOCUMENT ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- my release certificate.

VIETNAM 30.9.1988


NGUYEN NGOC HAN

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập — Tự do — Hạnh phúc

50 687
3.5.88
Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2585 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988
của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Ngọc Phan Sinh năm 19 49

Các tên gọi khác

Nơi sinh Bình dương sống bô

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 108/3 Lạc quận học môn TP HCM

Can tội Thiếu tá huấn luyện viên thiết giáp

Bị bắt ngày 1/5/75 An phát TICT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 108/3 Lạc quận học môn TP HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại Anh Phan có cố gắng.

Trong học tập, lao động và chấp hành nội qui của trại.

- Tiến đi đường để cấp giấy đi từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường Nơi cư trú

Trước ngày 5 tháng 2 năm 1988

Lần tay ngón trái phải

Của Nguyễn Ngọc Phan

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 2 tháng 2 năm 1988

Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

100-200

C. and Jay
 ra. tra, the cy. lig. and 3 in
 cong. in gay 15. 03. 1088
 100. 10. 11

CHUNG NHẬN
CHỮ KÝ: *[Signature]*
TÊN: *[Signature]*
THỜI GIAN: *[Signature]* ngày *11* tháng *11* năm 198*0*
TM. ĐẢNG TỈNH
VIỆN THỦY KỸ
[Circular Stamp: VIỆN THỦY KỸ]
[Signature]

Plc : Copy to SA

Ingilgen - Igore - Tam

Hugen, R. P.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV No

Date: 30.9.1988

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. Name: NGUYỄN-NGỌC PHAN
2. Other name: NO
3. Date, Place of birth: 17.10.1940 TÂN BÌNH, BÌNH DƯƠNG
4. Residence address: 108/3 ấp Lạc Quang, xã Tân Thới Nhứt, huyện Hố Nai, thành phố Hồ Chí Minh
5. Mailing address: 107/1 ấp Lạc Quang, xã Tân Thới Nhứt, huyện Hố Nai, thành phố Hồ Chí Minh
6. Current occupation: out of employment.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME:

name	Date, Place of birth	Sex	MS	Relation
- Lê Ngọc Thái	9.3.1943 Gò Công Tây	F	M	My spouse
- Nguyễn Phi Long	14.10.1966 Saigon	M	S	My son
- Nguyễn Thị Phi Yến	4.12.1969 GIABINH	F	S	My daughter
- Nguyễn Phi Vũ	21.7.1971 GIABINH	M	S	My son
- Nguyễn Phi Hùng	22.4.1973 SAIGON	M	S	My son
- Nguyễn Phi Sơn	23.4.1974 SAIGON	M	S	My son

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM:

1. Closest relatives in the U.S: NO
2. Closest relatives in other countries: NO

D. COMPLETE FAMILY LISTING:

name	Living/Dead	Address
1. Father: Nguyễn Văn Diệt	Dead	
2. Mother: Nguyễn Thị - Zót	Dead	
3. Spouse: Lê Ngọc Thái	Living	
4. Former spouse: NO		
5. Children:		
- Nguyễn Phi Long	Living	59, ấp 3 xã Tân Bình huyện Bến Cát tỉnh Sông Bé
- Nguyễn Thị Phi Yến	Living	
- Nguyễn Phi Vũ	Living	
- Nguyễn Phi Hùng	Living	
- Nguyễn Phi Sơn	Living	

C. Sibling: NO

E. EMPLOYMENT BY US GOV. AGENCIES OR OTHER ORGANISATION OF YOU OR YOUR SPOUSE: NO

F. SEVICE WITH GVN. OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE:

1. Name of person serving: NGUYỄN-NGOC PHAN

2. Date: from: 1.10.1958 to 30.4.1975

3. Last ranks: MAJOR SM 604/100.379

4. Ministry/office/military unit: ARMOR SCHOOL

5. Name of supervisor: COLONEL HUYNH VAN TAM

6. Reason for leaving: 30.4.1975 EVENTS

7. Name of American Advisor: CPT. SURFACE from 5/1970 to 12/1971.

8. US training course in U.N: NO

9. US Awards or certificate: NO

By my spouse: NO

G. TRAINING OUTSIDE VN OF YOU OR YOUR SPOUSE:

1. Name of student training:

2. School and school address

NO

3. Date: from to

4. Description of courses:

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE:

1. Name of person in reeducation: NGUYỄN-NGOC-PHAN

2. Total time in reeducation: 01.5.1975 - 13.2.1988
(12 years, 9 month, 13 days)

3. Still in reeducation: NO

I. ANY ADDITIONAL REMARKS: NO

J. DOCUMENT ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- My release certificate.
- My married certificate.
- Certificate of birth of me and my relatives accompany me.

VIETNAM: 30.9.1988

NGUYỄN NGOC PHAN

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 27 tháng 11
năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988
của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Ngọc Phan Sinh năm 19 40

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Bình dương sông bả**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 108/3 Lạc quân hóc môn TP HCM

Can tại: Thiếu tá huấn luyện viên thiết giáp

Bị bắt ngày 1/5/75

An phát **TTC T**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 108/3 Lạc quan học môn. TP HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo ở trại Anh Phan có cố gắng.

Trong học tập, lao động và chấp hành nội qui của trại.

- Tiền đi đường đã cấp đầy đủ từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã. Nơi cư trú

Trước ngày 15 tháng 2 năm 1958

Lăn tay ngón trở phải

Của Nguyễn Ngọc Phan

Danh bản số

Lập 41

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

Trường hợp

(Chỉ rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)



Nguyễn thị Ngọc Phấn

Yêu cầu
Đ/s Lê Văn Định ở
công an tỉnh ngày 15/2/88
Họ BHT công an tỉnh
ngày 15-03-1988

Trên đây
Lê Văn Định

Đ/s Nguyễn Ngọc - D. 1940
Đã được Ủy m. B.T. Công An Tỉnh
Chánh gậy trực tiếp, ngày 15-03-1988
Công an ngày 15-03-1988

Đã công an
Nguyễn Ngọc Tân

CHỨNG NHẬN
Chữ ký và chức vụ
TÂN THỜI NHẤT ngày 15 tháng 3 năm 1988
TM UBND KUTIN



Nguyễn Văn Định



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ- PHÁP

Sở Tư- Pháp Nam- Phần

TÒA HÒA- GIẢI

SAIGON

(1) Ngày 2-9-1965

GIẤY THẺ-VI

Khai Sanh

cho

Nguyễn-Ngọc-Phan

(1) Số 8061/HT

TRÍCH - LỤC VĂN - KIỆN THẺ - VI HỘ - TỊCH
LƯU-TRỮ TẠI VĂN-PHÒNG LỤC-SỰ TÒA HÒA GIẢI SAIGON

Một bản chánh giấy thẻ-vi Khai Sanh

Cấp cho Nguyễn-Ngọc-Phan

Do Ông Phan-Văn-Tư, Chánh Án Tòa Hòa Giải Saigon,

Với cách Thăm-Phán Hòa-Giải cấp ngày 2-9-1965

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY

1) Trần-Thị-Trí 2) Phạm-Thị-Cơ, 3) Đỗ Án

Những nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 6 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp theo Hình-luật Canh-cải, sửa đổi bởi Sắc-lệnh ngày 31-12-1952 và sau khi tuyên-thệ quả quyết và biết chắc rằng :

NGUYỄN NGỌC PHAN (nam)

sinh ngày 17 tháng 10 năm 1940 tại xã Tân-Mỹ,

Thủ-Dầu-Một, con của ông NGUYỄN VĂN DIỆP (c)

và bà NGUYỄN THỊ UỐT (c).

và duyên cớ mà đương sự không xin được sao lục giấy khai sanh là vì sổ bộ chánh đã bị thất lạc vì biến cố chiến tranh.

TRÍCH - LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Saigon, ngày 12 tháng 7 năm 1973
LỤC SỰ



KHẠM-THỊ-THỦ

LỆ-PHI: 15400

(1) Lập lại sổ, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA ĐÌNH TÂN THỚI

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH TÂN THỚI (SOLONG)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1943 SỐ HIỆU 60
(Année) (Acte No)

Tên họ của con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Lô Ngọc Thái
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Lo 9 Mars 1943
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Tân Thới
Tên họ cha. (Nom et prénom du père)	Lô Văn Hiền
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Tân Thới
Tên họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Trần Thị Hằng
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Tân Thới
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Lô Văn Hiền

Chủ tịch Tòa Tân Thới
(président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Lô Văn Hiền
(M)

Chánh-Lục-sự Tòa án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

12-420, ngày 20 / 5 / 1962
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y ben chánh,
(Pour extrait conforme),

12-420, ngày 20 / 5 / 1962
CHÁNH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),



Gia tiền : 50
(Cost)
Biên-lai số : 0234
(Quittance no)

GIA-ĐÌNH

QUẬN HỒC-MÔN

XÃ TÂN-THOẠI-NHỨT

SỐ HIỆU: 18

★

TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THỦ

Tên họ người chồng NGUYỄN-NGỌC-PHAN

nghề-nghiep Quân-nhân

sinh ngày Mười bảy tháng Mười năm Một ngàn chín trăm

tại TÂN-DỊNH (Bình-Dương) bốn mươi.

cư-sở tại KHU 47.80

tạm-trú tại

Tên họ cha chồng NGUYỄN-VĂN-DIỆT (chết)

(Sống hay chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng NGUYỄN-THỊ-ƯƠT (chết)

(Sống hay chết phải nói)

Tên họ người vợ LÊ-NGỌC-THÁI

nghề-nghiep Nội-trợ

sinh ngày Chín tháng Ba năm Một ngàn chín trăm

tại Tân-Thới (Gò Công) bốn mươi ba.

cư-sở tại Tân-Thới-Nhứt

tạm-trú tại Ấp Hòa-Lạc số: 35/4

Tên họ cha vợ LÊ-VĂN-MIÊU (sống)

(Sống hay chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ TRẦN-THỊ-HƯNG (sống)

(Sống hay chết phải nói)

— Ngày cưới Hai mươi lăm, tháng năm, một ngàn chín trăm sáu mươi hai.

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế Không

ngày /// tháng /// năm ///

tại //////////////////////////////////////

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Tân-Thới-Nhứt, ngày 09 tháng 6 năm 1972

Viên-chức Hộ-Tịch

TRẦN AN-THỊ
ỦY-VIÊN Hộ-Tịch

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON
(GRILLE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Quận NHẤT
(Extrait du registre des actes de naissance)
SAIGON (Nam **PHẦN**)
(Việt Nam)

NĂM 1973
(Année)

SỐ HIỆU 324
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN PHI HÙNG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 22 tháng 4 năm 1973
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Saigon, 122, Trần-Quang-Khai
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYỄN NGỌC PHAN
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	KBC 3259
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	LÊ NGỌC THÁI
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	KBC 3259
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)



Saigon, ngày 18-12-1974
KT **CHÁNH LỤC-SỰ**,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Từ-Thị-An

Chi phí : 15\$00
(Coût)

Biên-lai số: 11.018 0/5
(Quittance No)

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Gia-Định
Quận Hóc-Môn
Xã Đông-Hưng-Tân

B O N T R I C H L U C

Năm 1992

Số hiệu 1334

Tên họ đầu nhĩ	: NGUYỄN - THỊ - NGÂN
Nam hay nữ	: Nữ
Ngày sanh	: Ngày bốn, tháng một tại di, năm một : năm chín trên chín mới chín (1969)
Nơi sanh	: Xã Tân - Hưng - Cầu
Tên, họ cha	: Nguyễn - Văn - Tấn
Nghề Nghiệp	: ruộng - rẫy
Nơi cư ngụ	: Tân - Hội - Bắc
Tên, họ mẹ	: Lê - Văn - Thù
Nghề nghiệp	: ruộng - rẫy
Nơi cư ngụ	: Tân - Hội - Bắc
Vợ chánh hay thứ	: Vợ - chánh



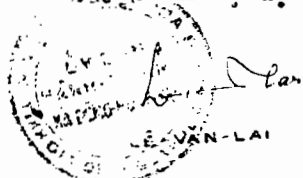
Nhận thực chữ ký bên đây của
Ủy-viên Hộ-Tịch Đông-hưng-tân
Hốc-môn ngày 10 tháng 2 năm 70

T.L. Quân-Trưởng

MIỀN TRUNG
L. 27.50.4780 ngày 29/03/1970

TRÍCE LUC Y BÒ CHÁNH

Đông-hưng-tân ngày 15 tháng 9 năm 1970
Ủy-viên Hồ-Tịch



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

XÃ ĐÔNG-HUNG-TÂN

TỈNH GIA-ĐÌNH

BỘ TRÍCH LỤC

QUẬN HỒC-MÔN

BỘ KHAI-SANH

Năm 1971

Số hiệu: 1.023

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN-PHI-VŨ
Phái	Nam
Sinh	Ngày hai mươi mốt, tháng bảy dl, năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt (1971)
(ngày, tháng, năm)	
Tại	Xã Đông-Hung-Tân
Cha	Nguyễn-Ngọc-Phan
(Tên, họ)	
Nghề	Quân-nhân
Cư trú tại	KBC.3.504
Mẹ	Lê-Ngọc-Thái
(Tên, họ)	
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Tân-Thới-Nhứt
Vợ	Vợ-chính
(Chính hay thứ)	

KIẾN-THỊ:

PHÓ XÃ-TRƯỞNG, HC.

Trích y bốn chánh:

Đông-Hung-Tân, ngày 26 tháng 7 năm 1971.

ỦY-VIÊN HỢP-TỊCH,

Trần Văn...



Trần Thị Diệu

TRẦN-THỊ-DIỆU.

MIỀN-TAM-YAUC-CHU KÝ

Thẩm chí:

Sông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/BN'/HC/29
Ngày 3-8-70.

BỘ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOA HÀNH-CHÁNH QUẬN SÀI GÒN

Số Hộ tịch: 5016

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

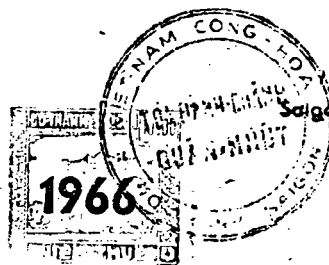
Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

QUỐC-PHI:



Tên, họ đứa nhỏ.	NGUYỄN THỊ BÍCH
Phối.	nam
Ngày sinh.	ngày bốn tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, tại quê
Nơi sinh.	Saigon, 4, đường Lê Lợi
Tên, họ người Cha.	Nguyễn Ngọc Thạch
Tuổi.	Mười một tuổi
Nghề-nghiệp.	học sinh
Nơi cư-ngụ.	1.2.3.4, 5504
Tên, họ người mẹ.	Lê Ngọc Bích
Tuổi.	Mười hai tuổi
Nghề-nghiệp.	tại gia
Nơi cư-ngụ.	1.2.3.4, 5504
Vợ chánh hay thứ.	

lập tại Saigon, ngày tháng năm 1966



TRÍCH Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày tháng năm 1966

Ký QUẢN QUẢN NĂM

NGUYỄN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THÀNH SAIGON

Quận: 1

PHƯỜNG: TQK

Số hiệu: 638

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 24 tháng 4 năm 1974

Tên họ đứa trẻ. . . .	Nguyễn phi Sơn
Con trai hay con gái. .	Nam
Ngày sanh.	Hai mươi ba tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn, 19 giờ 10
Nơi sanh.	Sài Gòn, 48 Mã Lộ
Tên họ người cha. . .	Nguyễn ngọc Phan
Tên họ người mẹ. . .	Lê ngọc Thái
Vợ chánh hay không có hôn-thú. . . .	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Huỳnh thị Nam



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 25 tháng 4 năm 1974

Viên-Chức Hộ-Tịch, *Day*

T.6

heanh

NGUYỄN VĂN QUANG

Saigon ngày 11/10/88

Chị Thơ. thưa,

Đim giờ; thien vớ: Chi vớ anh chi em tưng hoi, 2
hồ hữ đề nhô xin loi :

① - Thiệu tá Nguyễn Văn Đĩnh, tước là quân
huỷ cá tá ở Tam Bình (Vlong) sau đó về sống ở
Đi, anh Lạc. Bị cá tá 2 lần, 1 lần dân thủ thay
5/1981. sau đó đến thối 9/88 về qua, mới ra tha.

② - Thiệu tá Nguyễn Ngọc Phồn, sĩ quan
Thiết giáp về tở, vớ ra tha 13. 2. 1988,

* Cá 2 hồ hữ này dĩ nhiên đượ dĩ (phần nhô
chuy: ODP / US Delegation) còn phần questionnaire
hữ dĩ gửi cho chi vớ hữ lần archives.

Đim chi giúp chuy: ODP dĩ mở file gồm
cho 2 anh này vớ cho dĩ, gửi này chừ dĩ lần
gĩ cho cá, thừ dĩ dĩ !

Thân,

Nhu

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988
của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Ngọc Phan (02 quân 60^A/100379) Sinh năm 1940
Các tên gọi khác 100.379

Nơi sinh Bình dương sống bô

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 108/3 Lạc quận hóc môn TP HCM

Can tội Thiếu tá huấn luyện viện thiết giáp

Bị bắt ngày 1/5/75 An phạt TTC T

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 108/3 Lạc quận hóc môn TP HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại Anh Phan có cố gắng.

Trong học tập, bảo vệ và chấp hành nội qui của trại.

Tiền đi đường đã cấp đầy đủ từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã Nơi cư trú

Trước ngày 5 tháng 2 năm 1988

Lần tay ngón trỏ phải

Của Nguyễn Ngọc Phan

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

Trưởng trại

(Chữ rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)



Nguyễn Thị Ngọc Phấn

Xuất thân
Đ/s Co ở tỉnh Quảng Nam
Công an Tỉnh phố ngày 15/2/78
Được BCS Công an tỉnh
Chào ngày 15-03-1988
Mời

Đã nhận

Đ/s Nguyễn Ngọc - D. 1940

- Được BCS Công an Tỉnh Quảng Nam
Chào ngày 15-03-1988

Chào ngày 15-03-1988

- Công an ngày 15-03-1988

CHỨNG NHẬN
Chữ ký và chức vụ
TÂN THỜI NHẤT ngày 11 tháng 11 năm 1988
TM UBND KUTTA

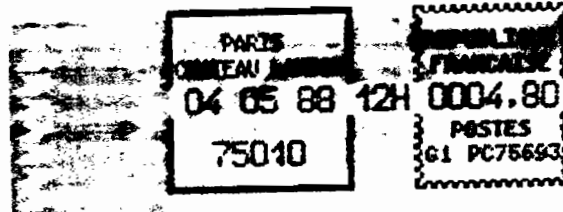


Đã nhận

Nguyễn Ngọc Tân

Nguyễn Văn Sơn





DEST. M^{me} KHUC-MINH-THO

P.O BOX 5435 ARLINGTON

22205

V.A 20-005 - 0635

U.S.A



**VIA AIR MAIL
PAR AVION**

EXP: BUI-QUANG-MINH

40, Rue Louis Blanc

75.010 Paris

FRANCE

EP

C41.3

Paris, ngày 3.5.1988

Kính thưa bà.

Tôi là cháu dâu bà con xa của cháu Phan. Vì tai nạn của nước nhà, gia đình tôi cũng chịu chung hoàn cảnh như bao nhiêu người làm việc thời cộng hòa. Chồng tôi qua đời đã 24 năm qua, hồi năm 1975 nhà tôi qua đời đã 11 năm mà con bị Cộng sản hai tôi làm việc cho Pháp. Nên tích thu hết toàn bộ tài sản truyền 4 ngày phải ra mình không. 3 mẹ con tôi phải làm ruộng vất vả sinh sống qua ngày. Chịu khổ đến năm 1981 2 con tôi mới vượt biên qua Pháp được. Hai con bảo lãnh tôi qua nay đúng 3 năm.

Mới đây được thư của Phan gia đình tôi rất mừng cháu con sống tốt được, về đoàn tụ gia đình. Hai con trai tôi hứa cho anh nó chút ít để giúp đỡ lúc khốn cực thôi. Vì 2 con tôi mấy năm đầu con phải đi học, mới đi làm nên không khá. Con tôi nay 62 tuổi không làm việc được, Pháp không tìm việc hôn bên Mỹ.

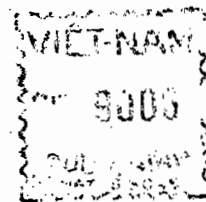
Nay Phan nhờ tôi chuyển giúp thư qua nhờ bà giúp đỡ. Kính xin Bà thương xót cho hoàn cảnh cháu mà giúp đỡ tận tình.

Cúi thư tôi cầu chúc Bà và cháu quyền An Khang Thịnh vượng

Kính chào bà

Xuân
BÙI THỊ XINH

From Nguyen Van [redacted]
Binh Dinh, Viet Nam



2ans

2h 15

Tel

9/87

9/88

Knot 80% chi phí làm thủ tục
bảo hộ.

To:

TRẦN KIM PHUÔNG (B)

DHN

Po Box 5435 Arlington

NA 2225-0635

OCT 3 1 1988

USA



C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
✓ ODP/Date 7-88
____ Membership; Letter